

Bản án số: 20/2023/HSPT

Ngày 07 – 02 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm và bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 07/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2023, đối với bị cáo Lưu Ngọc T. Do có kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích N và ông Lưu Ngọc T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 323/2022/HSST ngày 28/11/2022, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo: **Lưu Ngọc T** (tên gọi khác: B), sinh năm 1996, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 322P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; tôn giáo: Phật giáo; con ông Lưu Ngọc T2, sinh năm 1960, con bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 04/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” tại bản án số: 256/2020/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 05/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố về tội “Đánh bạc” và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 28/10/2022, bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về tội “Đánh bạc”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Bích N và ông Lưu Ngọc T2; địa chỉ: 322 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lưu Ngọc T2: Ông Đào Nhật Q – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Đào Nhật Q và Cộng sự; địa chỉ: Số

41H, phường 4, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình đi chơi với bạn bè, Lưu Ngọc T có quen biết nam thanh niên tên H, có tên thường gọi là Tr (không rõ nhân thân, lai lịch). Vào khoảng cuối tháng 7 năm 2022, Tr đến nhà T ở địa chỉ 322 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đưa cho T 09 gói nylon chứa chất rắn màu trắng và một gói nylon bên trong chứa 24 viên nén màu hồng nhờ T cất dùm, T đồng ý và mang số ma túy cất giấu ở phòng ngủ sát cầu thang trên tầng hai của ngôi nhà. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 01 tháng 8 năm 2022, T đang ở nhà thì đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Buôn Ma Thuột phối hợp với Công an phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột đến kiểm tra, T đã tự giác giao nộp 09 gói nylon chứa chất rắn màu trắng, một gói nylon bên trong chứa 24 viên nén màu hồng. T khai nhận là ma túy khay và thuốc lắc cất dùm bạn. Lực lượng Công an niêm phong số ma túy trên vào một bì thư theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số: 741/KL-KTHS ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận.

Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong chín gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 8,9113 gam, loại: Ketamine. Chất rắn dạng tinh thể màu trắng còn lại sau giám định có khối lượng: 8,5549 gam.

Hai mươi bốn viên nén màu hồng chứa trong một gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 10,5467 gam, loại: MDMA. Hai mươi bốn viên nén màu hồng còn lại sau giám định có khối lượng: 10,1698 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 323/2022/HSST ngày 28/11/2022, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Ngọc T 07 (bảy) năm tù về tội : “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án số: 256/2020/HSST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Buộc bị cáo Lưu Ngọc T phải chấp hành chung của hai bản án là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/8/2022, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/12/2019 đến ngày 31/12/2019.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/12/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan bà Trần Thị Bích N, ông Lưu Ngọc T2 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lưu Ngọc T2 trình bày ông T2 và bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 323/2022/HSST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Ngọc T2, bà Trần Thị Bích N, HĐXX xét thấy:

Ngày 28/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử công khai vụ án hình sự đối với bị cáo Lưu Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Ngọc T2, bà Trần Thị Bích N là bố mẹ của bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 07/12/2022, ông Lưu Ngọc Thành, bà Trần Thị Bích N kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 323/2022/HSST ngày 28/11/2022, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Kháng cáo cho rằng bị cáo Lưu Ngọc T chỉ là người bị hại vì tin lời kẻ xấu nên đã nhận cất giữ giùm ma túy, bị cáo chưa có tiền án tiền sự nên hình phạt của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đối với bị cáo là quá nặng.

Ngày 20/12/2022, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã lập biên bản làm việc để làm rõ nội dung kháng cáo của ông T2, bà N đồng thời giải thích về quyền kháng cáo của ông T2, bà N. Ông T2, bà N chỉ được quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên, ông T2, bà N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra, truy tố tại cấp sơ thẩm xác định căn nhà của ông T2, bà N mà bị cáo cất giấu ma túy, nhưng ông T2, bà N không biết sự việc này, nên không có căn cứ để xử lý căn nhà số 322P thuộc quyền sở hữu của ông T2, bà N. Mặt khác, tại phần nhận định trong bản án sơ thẩm cũng đã nêu rõ “Đối với ông Lưu Ngọc T2 và bà Trần Thị Bích N là cha mẹ ruột của bị cáo và là chủ sở hữu căn nhà 322P, không biết việc bị cáo cất giấu ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không có căn cứ

để xử lý là phù hợp”. Như vậy việc điều tra, truy tố và xét xử đối với bị cáo Lưu Ngọc T cũng như việc cấp sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, án phí là không liên quan đến ông T2, bà N, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự thì ông T2, bà N không được quyền kháng cáo đối với những phần này, nên không được hội đồng xét xử xem xét.

Đối với quyền sở hữu căn nhà của ông T2, bà N như đã phân tích ở trên thì cơ quan tiến hành tố tụng đã không xử lý gì, nên không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông T2, bà N. Vì vậy kháng cáo của ông T2 đối với nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án thành phố Buôn Ma Thuột là phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lưu Ngọc T2, bà Trần Thị Bích N phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 4 Điều 331; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Ngọc T2, bà Trần Thị Bích N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 323/2022/HSST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

[2] Căn cứ vào điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Ngọc T 07 (bảy) năm tù về tội : “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án số: 256/2020/HSST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Buộc bị cáo Lưu Ngọc T phải chấp hành chung của hai bản án là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/8/2022, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/12/2019 đến ngày 31/12/2019.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ông Lưu Ngọc T2, bà Trần Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo,

kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Cơ quan THAHS thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh